TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2020/DS-ST
Ngày: 24/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Ông Dương Văn Quí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hiền* – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 494/2019/TLST-DS ngày 23/7/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-DS ngày 26/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-DS ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X

Địa chỉ liên lạc: Lầu G, số A Nguyễn Đình C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T (có mặt)

Địa chỉ: Lầu G, số A Nguyễn Đình C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lại ngày 09/7/2019).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình L (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Bích H (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số D ấp Đ, xã T, huyện H, TP Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức Th (vắng mặt)

Địa chỉ: X, Eldrige rd Condellpark nsw 2200, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thanh T trình bày:

Ngày 02/4/2018, vợ chồng ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H vay của ông Nguyễn Quốc Tr số tiền 300.000.000(ba trăm triệu) đồng, mục đích để góp trả tiền mua xe ô tô hiệu Toyota, biển số 51G 45.678 cho ngân hàng. Ông Tr với ông L, bà H có quan hệ họ hàng với nhau. Giữa ông Tr với ông L, bà H có ký Giấy mượn tiền ngày 02/4/2018 và thỏa thuận ông L, bà H sẽ trả góp hàng tháng cho ông Tr số tiền 10.000.000đồng, bắt đầu trả góp từ ngày 01/5/2018 cho đến khi trả hết số tiền 300.000.000đồng. Việc trả góp bắt đầu từ ngày 01/5/2018. Khi các bên ký Giấy mượn tiền ngày 02/4/2018 có ông Ông Nguyễn Đức Th là người làm chứng.

Tại thời điểm cho vay, xe ô tô Toyota biển số 51G – 456.78 được vợ chồng ông L, bà H dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn. Nguyên đơn được biết ông L, bà H đã trả hết nợ cho ngân hàng, lấy lại xe và bán cho người khác.

Sau khi vay tiền, từ ngày 01/5/2018 đến ngày 01/10/2018, ông L, bà H đã trả cho ông Tr được 06 tháng (10.000.000đồng/tháng) với số tiền tổng cộng là 60.000.000đồng. Từ cuối tháng 10/2018 thì ông L, bà H không trả tiền cho ông Tr như đã thỏa thuận nữa.

Ngày 09/4/2019, ông Tr chết. Bà Nguyễn Thị X là mẹ ruột của ông Tr và cũng là người thừa kế duy nhất của ông Tr. Ông Tr không có vợ, con.

Nay bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H trả số tiền còn thiếu của ông Tr là 240.000.000đồng cho bà X. Trả tiền một lần ngày khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Bà X không yêu cầu tính lãi cho đến ngày tòa án xét xử đối với số tiền nợ nêu trên.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà H xác nhận ngày 02/4/2018, vợ chồng bà (ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H) vay của ông Nguyễn Quốc Tr số tiền 300.000.000(ba trăm triệu) đồng, mục đích để góp trả tiền mua xe ô tô hiệu Toyota, biển số 51G 45.678 cho ngân hàng như phía nguyên đơn trình bày. Sau đó, từ ngày 01/5/2018 đến ngày 01/10/2018 bà H, ông L góp trả được cho ông Tr được 06 tháng (10.000.000đồng/tháng), tổng cộng 60.000.000đồng thì làm ăn thua lỗ nên từ tháng 11/2018 đến nay, ông L, bà H không có khả năng góp trả nợ nữa. Chiếc xe Toyota biển số 51G-45.678 cũng được vợ chồng ông L, bà H bán cho người khác để trả nợ ngân hàng. Vợ chồng ông L, bà H là cháu của bà X. Bà H cũng biết sự việc ông Tr chết. Bà Nguyễn Thị X là mẹ ruột của ông Tr. Ông Tr không có vợ, con. Nay bà H đồng ý cùng với ông L trả cho bà X số tiền 240.000.000đồng nhưng hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả tiền một lần cho bà X ngay bây giờ.

Bị đơn ông Nguyễn Đình L vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Người làm chứng ông Nguyễn Đức Th trình bày:

Ngày 02/4/2018, ông Thành có chứng kiến việc ông Nguyễn Quốc Tr cho ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H mượn số tiền là 300.000.000đồng bằng tiền mặt. Hai bên đã ký Giấy mượn tiền đề ngày 02/4/2018 về việc cho mượn số tiền trên. Mục đích mượn tiền là để mua xe Toyota biển kiểm soát 51G-45678. Ông Th chỉ chứng kiến việc giao nhận tiền vào ngày 02/4/2018 và không biết được việc ông L, bà H đã trả tiền như thế nào. Ông Th xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn ông L đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[5] Tại Tòa án, nguyên đơn xuất trình Giấy mượn tiền đề ngày 02/4/2018 có nội dung là ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị Bích H vay của ông Tr số tiền 300.000.000đồng, mục đích sử dụng là mua xe Toyota số đăng ký 51G-45678, cam kết trả góp số tiền này với phương thức là 10.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết số tiền 300.000.000đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/5/2018. Tại Giấy mượn tiền ngày 02/4/2018 có chữ ký ghi tên ông Nguyễn Đình L, không có bà H ký tên nhưng tại tòa án bà H xác nhận bà H và ông L có vay của ông Tr số tiền 300.000.000đồng và ký Giấy mượn tiền như phía nguyên đơn trình bày.

[6] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp (Giấy mượn tiền đề ngày 02/4/2018), lời khai của đương sự (bà X, bà H), lời khai của người làm chứng thì có đủ cơ sở xác định vào ngày 02/4/2018, ông Tr có cho vợ chồng ông L, bà H vay số tiền 300.000.000đồng.

[7] Bà X, bà H xác nhận từ ngày 01/5/2018 đến ngày 01/10/2018, ông L, bà H đã trả cho ông Tr được 60.000.000đồng nên hội đồng xét xử ghi nhận. Từ tháng 11/2018, ông L, bà H không trả tiền cho ông Tr nữa là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình.

[8] Căn cứ trích lục khai tử số 36/TLKT-BS ngày 09/4/2019 của UBND Phường 14, Quận 8, Giấy khai sinh của ông Nguyễn Quốc Tr, Văn bản trả lời của UBND Phường 14, Quận 8 thì đủ cơ sở xác định hiện ông Tr đã chết và bà X là người thừa kế duy nhất của ông Tr. Việc bà X yêu cầu ông L, bà H phải trả số tiền còn nợ của ông Tr cho bà X là có căn cứ.

[9] Từ các phân tích trên, căn cứ quy định tại Điều 234, Điều 463, Điều 466, Điều 609, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông L, bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà X. Vì ông L, bà H đã trả được 60.000.000đồng nên buộc ông L, bà H phải trả cho bà X số tiền nợ còn lại là 240.000.000đồng.

[10] Bà X không yêu cầu ông L, bà H trả tiền lãi trên số tiền vay từ ngày cho vay đến khi xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi.

[11] Bị đơn ông Nguyễn Đình L vắng mặt, không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 234, Điều 463, Điều 466, Điều 609, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Buộc ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 240.000.000đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền đề ngày 02/4/2018 có chữ ký và ghi tên Nguyễn Đình L (bên vay), có chữ ký và ghi tên Nguyễn Quốc Tr (bên cho vay). Việc trả tiền thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) án phí sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000đồng (sáu triệu đồng) theo biên lai số AA/2019/0004501 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Bích H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đình L không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam